

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HS-ST
Ngày 16 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Truện.

Ông Hồ Văn Cương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Đỗ Minh T, sinh ngày 20 tháng 5 năm: 1966 tại C, Long An; Nơi cư trú: Nơi đăng ký thường trú: Ấp 1A, xã T, huyện C, tỉnh Long An; Tạm trú: Ấp 3, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Hữu Th và bà Nguyễn Thị L; Vợ tên Ngô Thị T; Con tên Đỗ Thanh T và Đỗ Thị Thanh Th; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 28/01/2010 bị Tòa án nhân dân quận 8, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 trả tự tại Tòa. Nhưng bị cáo chưa đóng án phí và tiền phạt sung công quỹ nhà nước nên chưa được xóa án tích, nay tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội; Bị cáo bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07 tháng 6 năm 2018 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1981; Địa chỉ cư trú: Số 290C/4, đường Dương Bá Trạc, phường 1, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Người làm chứng:

Bà Ngô Thị Tiến, sinh năm: 1970; Địa chỉ cư trú: Ấp 1A, xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSKT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An truy tố bị cáo Đỗ Minh T về tội “Vận chuyển hàng cấm”, theo quy định tại điểm b, Khoản 3, Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Khoảng 17 giờ ngày 06/6/2018 Đỗ Minh T, sinh năm: 1966 có hộ khẩu thường trú ấp 1A, xã T, huyện C, tỉnh Long An điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 51F-654.35 loại 5 chỗ ngồi chở vợ Ngô Thị T cùng với 3 người khách không biết tên đi từ huyện B, thành phố Hồ Chí Minh xuống cửa khẩu B sang Campuchia chơi đánh bạc. Khi đến cửa khẩu B, thị xã K, tỉnh Long An khoảng 19 giờ cùng ngày, T cùng 3 người khách vào Casino bên Campuchia để đánh bạc, T ở ngoài xe phía Việt Nam đợi. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày có người tên T ở quận 8, thành phố Hồ Chí Minh điện thoại kêu T chở 30 bịch thuốc lá ngoại về thành phố Hồ Chí Minh giá 1.500.000 đồng, T đồng ý chạy theo sự chỉ dẫn của T theo đường tỉnh 831 về hướng huyện V, khi đến địa bàn xã B, thị xã K thì có 03 người đón giao thuốc lá ngoại chất lên lên xe xong T một mình điều khiển xe về ngã tư B nhấn bả T ra xe đi về. Khi T lên xe thấy có nhiều đồ đựng trong bịch màu đen T có hỏi chở gì, T nói chở bánh kẹo cho khách. Khi T điều khiển xe đến khu phố 2, phường 1, thị xã K lúc 0 giờ 30 phút ngày 07/6/2018 bị lực lượng Công an thị xã K kiểm tra phát hiện chở thuốc lá ngoại nên lập biên bản phạm tội quả tang.

Tang vật thu giữ gồm: 01 xe ô tô hiệu CHEVROLET loại 5 chỗ ngồi, biển kiểm soát 51F-654.35 và giấy chứng nhận đăng ký; 6.000 gói thuốc lá ngoại các loại gồm: 4.200 gói hiệu Jet, 1.000 gói hiệu Hero, 400 gói hiệu Scott, 300 gói hiệu 555, 100 gói hiệu Caraven “A”; 01 điện di động màu đen đã qua sử dụng hiệu Nokia, có sim số: 0938713146; 40 túi nylon màu đen dùng đựng thuốc lá ngoại.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Minh T phạm tội về tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm b, Khoản 3, Điều 191 điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo T từ 06 đến 07 năm tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 51F-654.35 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã trao trả xe cho Nguyễn Văn P xong (theo Quyết định xử lý vật chứng số: 09 ngày 12/6/2018 và biên bản trao trả ngày 12/6/2018 nên không xem xét.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 6.000 gói thuốc lá ngoại các loại gồm: 4.200 gói hiệu Jet, 1.000 gói hiệu Hero, 400 gói hiệu Scott, 300 gói hiệu 555, 100 gói hiệu Caraven “A”; 01 điện di động màu đen đã qua sử dụng hiệu Nokia,.

Tiêu hủy 40 túi nylon màu đen dùng đựng thuốc lá ngoại và sim số: 0938713146.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 191 của Bộ luật hình sự thì hành vi phạm tội của bị cáo T có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến

50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm. Nhưng xét thấy bị cáo T không làm nghề hoặc công việc quan trọng nên đề nghị miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

Đối với bà Ngô Thị T có đi chung xe với T, nhưng đã sang Campuchia đánh bạc, việc nhận chở thuốc lá ngoại do một mình T thực hiện, sau đó Tiến lên xe về có hỏi T chở hàng gì nhiều thì T trả lời chở bánh kẹo, do đó không có cơ sở xác định bà T biết chở hàng cấm nên không đề cập xem xét trách nhiệm đối với Tiến.

Đối với người tên Tới mà T khai thuê chở thuốc lá ngoại, nhưng không biết rõ họ tên, địa chỉ cụ thể nên không thể truy tìm được để xử lý đối với người này.

Về lời trình bày của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo để xét xử về tội vận chuyển hàng cấm là đúng người, đúng tội không oan. Lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên tòa hôm nay, được đối chiếu với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Bị cáo Bị cáo T sống bằng nghề lái xe, nhưng vì muốn thu được lợi nhuận nhiều hơn, điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 51F-654.35 chở 6.000 gói thuốc lá ngoại các loại gồm: 4.200 gói hiệu Jet, 1.000 gói hiệu Hero, 400 gói hiệu Scott, 300 gói hiệu 555, 100 gói hiệu Caraven “A” cho ông Tới giá 1.500.000 đồng khi đến phường 1, thị xã K thì bị lực lượng tuần tra Công an thị xã K biên bản bắt quả tang cùng tang vật

[3] Bị cáo Đỗ Minh T vào năm 2010 bị Tòa án nhân dân quận 8, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 4 tháng tù về tội “Đánh bạc” đã chấp hình phạt chính xong nhưng chưa chấp hành đóng án phí và tiền phạt nên chưa được xóa án tích, do đó phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là “Tái phạm”.

[4] Như vậy, đã có đầy đủ căn cứ pháp lý để kết luận rằng hành vi phạm tội của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An truy tố bị cáo Toàn ra Tòa để xét xử theo điểm b Khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự về quản lý kinh tế. Việc vận chuyển hàng cấm sẽ làm xáo trộn nền kinh tế thị trường trong nước, ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế của địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo T đã bị pháp luật nghiêm cấm. Do đó, cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự để có một hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo T đã

gây ra, mới giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội sau này và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[7] Về vật chứng: Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 51F-654.35 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã trao trả xe cho Nguyễn Văn P xong (theo Quyết định xử lý vật chứng số: 09 ngày 12/6/2018 và biên bản trao trả ngày 12/6/2018 nên không xem xét. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 6.000 gói thuốc lá ngoại các loại gồm: 4.200 gói hiệu Jet, 1.000 gói hiệu Hero, 400 gói hiệu Scott, 300 gói hiệu 555, 100 gói hiệu Caraven “A”; 01 điện di động màu đen đã qua sử dụng hiệu Nokia; Tiêu hủy 40 túi nylon màu đen dùng đựng thuốc lá ngoại và sim số: 0938713146.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa tuy ông Phi không có mặt, nhưng theo hồ sơ vụ án đã nhận lại tài sản và tiền không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 191 của Bộ luật hình sự thì hành vi phạm tội của bị cáo T có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm. Nhưng xét thấy bị cáo T không làm nghề hoặc công việc quan trọng nên đề nghị miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

[10] Đối với bà Ngô Thị T có đi chung xe với T, nhưng đã sang Campuchia đánh bạc, việc nhận chở thuốc lá ngoại do một mình T thực hiện, sau đó T lên xe về có hỏi T chở hàng gì nhiều thì T trả lời chở bánh kẹo, do đó không có cơ sở xác định bà Tiến biết chở hàng cấm nên không đề cập xem xét trách nhiệm đối với Tiến.

[11] Đối với người tên Tới mà T khai thuê chở thuốc lá ngoại, nhưng không biết rõ họ tên, địa chỉ cụ thể nên không thể truy tìm được để xử lý đối với người này.

[12] Từ những nhận xét nêu trên cũng như qua tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định. Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật nên chấp nhận.

[13] Theo quy định buộc bị cáo T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm

2017 xử phạt bị cáo Đỗ Minh T 06 năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”. Thời gian thi hành án phạt tù của bị cáo Đỗ Minh T được tính từ ngày 07/6/2018.

Căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiếp tục tạm giam bị cáo Đỗ Minh T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ tuyên án sơ thẩm để đảm bảo công tác thi hành án hình sự.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 6.000 gói thuốc lá điều ngoại các loại gồm: 4.200 gói thuốc lá điều hiệu Jet, 1.000 gói thuốc lá điều hiệu Hero, 400 gói thuốc lá điều hiệu Scott, 300 gói thuốc lá điều hiệu 555, 100 gói thuốc lá điều hiệu Caraven “A”; 01 điện di động hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 40 túi nylon màu đen dùng đựng thuốc lá ngoại và sim số: 0938713146 (các vật chứng này Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã K đang quản lý).

Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bị cáo Đỗ Minh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo Đỗ Minh T báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Nguyễn Văn Phi được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã, tỉnh;
- Cảnh sát điều tra Công an TXKT;
- Chi cục THADS thị xã;
- Bị cáo, bị hại, liên quan;
- Đội CSTHAHS và hỗ trợ tư pháp;
- Thi hành án phạt tù;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

